

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16 – 5 - 2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Phước Hiệu.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đức Bình

2. Ông Lưu Trọng Kim

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 119/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐXXST-ST, ngày 02 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1990. Trú tại: Tổ 3, thôn 9, xã Đ, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Hoàng L, sinh năm 1992. Nơi đăng ký thường trú: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh M. Nơi cư trú cuối cùng: Tổ 3, thôn 9, xã Đ, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Đã bị TAND huyện Đức Linh tuyên bố mất tích theo quyết định số 04/2018/QĐDS-ST ngày 13/3/2018.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện lập ngày 29/3/2018, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Trần Thị T trình bày: Chị T và anh L sau thời gian tìm hiểu, đã tự nguyện kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ ngày 27/7/2012. Sau kết hôn, vợ chồng sinh sống tại tổ 3, thôn 9, xã Đ, huyện Đức Linh được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L có người phụ nữ khác bên ngoài. Năm 2014, anh L bỏ nhà đi khỏi địa phương cho đến nay, không có tin tức hay liên lạc về gia đình. Vì thế mà cuối năm 2017, chị T đã có đơn yêu cầu tuyên bố mất tích đối với anh L. Ngày 13/3/2018, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã có quyết định số 04/2018/QĐDS-ST về việc tuyên bố anh L mất tích. Nay chị T xác định hôn nhân không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với anh L và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị T và anh L có 02 con chung tên: Đặng Trần Minh K, sinh ngày 03/01/2010 và Đặng Trần Minh A, sinh ngày 24/01/2014. Sau khi anh L bỏ nhà đi, chị T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con. Do đó, khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh trình bày quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng thì phẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Về nội dung thì căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Hôn nhân giữa chị T và anh L không còn hạnh phúc. Anh L bỏ nhà đi từ năm 2014 và đã bị TAND huyện Đức Linh tuyên bố mất tích, hiện nay quyết định tuyên bố mất tích đang có hiệu lực. Nay chị T xác nhận không còn tình cảm vợ chồng với anh L và kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy yêu cầu ly hôn của chị T có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời giao 02 cháu cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là đúng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn, TAND huyện Đức Linh đã xác định quan hệ tranh chấp “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con” là đúng pháp luật.

- Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì TAND huyện Đức Linh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Xét thấy quyết định số 04/2018/QĐST-DS ngày 13/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh về việc tuyên bố anh Đặng Hoàng L mất tích đã có hiệu lực pháp luật mà anh L vẫn không trở về nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L là đúng pháp luật.

- Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án TANDTC công bố thì thấy rằng: nội dung tranh chấp của vụ án này không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ để giải quyết mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án này.

[2] Về nội dung: Xét thấy chị T và anh L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Căn cứ lời khai của chị T và giấy khai sinh của Đặng Trần Minh K và Đặng Trần Minh A thì có đủ cơ sở xác định, Minh K và Minh A là con chung của chị T và anh L. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án thấy rằng, anh L bỏ nhà đi từ năm 2014 cho đến nay. Quyết định số 04/2018/QĐST-DS ngày 13/3/2018 của TAND huyện Đức Linh về việc tuyên bố anh L mất tích đã có hiệu lực pháp luật, đến nay anh L vẫn không trở về. Hiện tại chị T không biết anh L ở đâu, làm gì. Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh L và kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy yêu cầu ly hôn của chị T là chính đáng, có căn cứ pháp luật. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là đúng quy định.

Về con chung: Xét thấy hiện nay 02 cháu Minh K và Minh A đang do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để đảm bảo quyền lợi của các cháu thì cần giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là đúng pháp luật. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con không phải xem xét trong vụ án này. Nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong bản án này.

Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là đúng quy định.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Luật thi hành án dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố Trần Thị T ly hôn Đặng Hoàng L.
2. Về con chung : Giao chị Trần Thị T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng 02 con Đặng Trần Minh K, sinh ngày 03/01/2010 và Đặng Trần Minh A, sinh ngày 24/01/2014. Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí DSST về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018331 ngày 02/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
4. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/5/2018), bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận
- VKDND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Phước Hiệu